

Bản án số: 46/2023/HS-PT

Ngày 23 -6- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Võ Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLPT-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T** và đồng phạm do có kháng cáo của bị hại với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 28-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở trước khi phạm tội: thôn Đ, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Bùi Thị S; có vợ là Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-10-2022 đến ngày 17-4-2023; tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở trước khi phạm tội: thôn Đ, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H; nhân thân: Tại bản án số 34/2008/HSST ngày 12-5-2008 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số 09/2012/HSST ngày 15-02-2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án 19/2012/HSST ngày 10-4-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (tổng hợp hình phạt 36 tháng tù); Tại bản án 72/2012/HSST ngày 08-11-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài

sản”, (tổng hợp hình phạt 60 tháng tù); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-10-2022 đến ngày 17-4-2023; tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Tiệp: Luật sư Nguyễn Mạnh Thắng, Văn Phòng Luật sư Nguyễn Mạnh Thắng & cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Số 91/25 đường Hà Giang, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt và bị cáo không yêu cầu người bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Trọng: Luật sư Lê Tấn Truyền, Công ty Luật TNHH Bảo Lộc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Số 43, Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt và bị cáo không yêu cầu người bào chữa.

Bị hại có kháng cáo: Ông Đỗ Hữu N1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Hoàng Văn Quang, Công ty Luật quốc tế FDI thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 324, Tôn Đức Thắng, tổ dân phố 4, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2021, giữa gia đình ông Đỗ Hữu N1 và gia đình ông Thái Văn L thường xuyên xảy ra xung đột liên quan đến việc tranh chấp đất tại khu vực thôn Đ, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Sáng ngày 07/4/2022, khi gia đình ông N1 nhờ người xịt thuốc trên diện tích đất tranh chấp thì xảy ra cãi vã với bà Lê Thị H1 (là vợ của ông L) và Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 (là người làm thuê của ông L). Vụ việc đã được lực lượng Công an huyện Đắk Glong giải quyết.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy ông N1 và vợ là bà Phạm Thị H2 cùng bà Vũ Thị M, anh Nguyễn Văn Đ quay lại xịt thuốc cỏ tại khu vực nêu trên thì T, T2 gọi điện thoại báo cho bà H1. Khi đến nơi, bà H1 chỉ đạo rút dây ống xịt thuốc, đuổi người bên phía ông N1 ra khỏi khu vực đất đang tranh chấp thì T2, T bắt đầu chửi bới, thách thức, khiêu khích và liên tục lôi kéo, rút dây ống xịt thuốc về phía hàng rào, ngăn không cho ông N1 thực hiện công việc. Thấy vậy, ông N1 cầm đá đánh về phía T thì T tránh né, đồng thời dùng tay trái nắm 02 phát trúng vào vùng bụng của ông N1. T2 cũng áp sát, dùng tay giữ ông N1 để T nắm liên tiếp vào bụng ông N1; Trọng nắm 01 phát vào vùng cằm ông N1 thì ông N1 vùng ra. Thấy chồng bị đánh, bà H2 chạy đến, phun thuốc hướng về phía T2, T2. Sau đó, hai bên tiếp tục khiêu khích, chửi bới qua lại và giằng co dây xịt thuốc.

Một lúc sau, khi thấy T cúi người nhặt dây ống xịt thuốc, ông N1 tiến đến cầm đá đánh vào tay T để giằng lại. T tránh né, đồng thời dùng tay phải nắm vào mạn sườn trái rồi ghì đè ông N1 xuống đất, dùng tay phải đánh cùi chỏ theo chiều từ trên xuống trúng vào vùng lưng làm ông N1 ngã úp mặt xuống đất. T tiếp tục dùng thân người nằm đè lên ông N1. Thấy vậy, bà H2 chạy tới can ngăn, dùng tay đánh T và cùng ông N1 nhặt đá ném về hướng T nhưng không trúng. Lúc này, T2

tiến đến, dùng tay trái kẹp cổ và vật ông N1 ngã ngửa ra phía sau nền đất đá, tay trái ghì cổ, gối trái thúc (tỳ) vào mạn sườn trái ông Ngạn. Bà H2 chạy đến can ngăn và đánh T2 thì bị T đi đến, dùng tay trái ghì đè, kẹp cổ, tay phải đâm vào mặt. Thấy đánh nhau, anh Trần Trung D (*có rầy gần khu đất tranh chấp*) đi đến can ngăn nên T dừng lại.

Lúc này, T2 vẫn đang dùng hai tay ghì đè ông N1 xuống đất. Bà H2 đi đến can ngăn thì bị T tiến đến, dùng tay ghì đè, kẹp cổ, đâm vào bụng. Được ông D can ngăn nên T2, T và ông N1 đứng dậy, tiếp tục chửi bới, cãi vã, thách thức qua lại. Khi ông N1 đang thu kéo dây ống xịt thuốc thì T tiến đến khiêu khích, thách thức. Ông N1 dùng tay đánh trúng vai T thì bị T dùng chân phải đạp 01 phát vào mạn sườn trái làm ông N1 bật lùi về phía sau; T2 xông đến thì bị bà H2 dùng vòi xịt thuốc đánh vào đầu nên hai bên dừng lại. Một lúc sau, ông N1 điện thoại cho ông Nguyễn Ngọc L nhờ gọi ông Đỗ Ngọc S đến chở đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.

Quá trình diễn biến vụ việc được bà Vũ Thị M, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H1 sử dụng điện thoại di động quay lại.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 151/TgT ngày 06/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Hữu N1:

- Tổn thương nhu mô phổi trái không phẫu thuật hiện tại không để lại di chứng, tỷ lệ 06%.

- Gãy 03 xương sườn bên trái can tốt, tỷ lệ 06% bằng $(100 - 6) \times 6/100\% = 5,64\%$.

Tổng tỷ lệ % TTCT: $06\% + 5,64\% = 11,64\%$ làm tròn bằng 12%.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích (*bổ sung*) số 229/TgT ngày 03/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận đối với thương tích của Đỗ Hữu N1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy 03 xương sườn bên trái; dập thủy dưới phổi trái.

- Vùng mạn sườn trái hiện tại không có vết thương, không có dấu vết sưng nề, bầm tím.

2. Cơ chế hình thành vết thương và vật gây thương tích đối với thương tích của ông Đỗ Hữu Ngạn: Tổn thương gãy 03 xương sườn bên trái; dập thủy dưới phổi trái do vật tày tác động gây nên.

* Tại các bản Kết luận giám định số 1095/KL-KTHS 21/11/2022, số 1096/KL-KTHS ngày 28/11/2022, số 1097/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận các tập video trong thẻ nhớ, USB do anh Nguyễn Văn Đ, bà Vũ Thị M, bà Lê Thị H1 giao nộp “*Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 28-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17-10-2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17-10-2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo đã bồi thường cho ông Đỗ Hữu Ngạn số tiền tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002210 và số 0002209 ngày 16-3-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Đỗ Hữu N1 số tiền 4.717.441 đồng (*Bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10-4-2023, bị hại Đỗ Hữu N1 kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 28-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong về áp hình phạt và trách nhiệm bồi thường đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xử phạt bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm và kết luận: Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xét xử bị cáo Nguyễn Văn T , Nguyễn Văn T2 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù, Nguyễn Văn T2 07 (Bảy) tháng tù là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà các bị cáo gây ra. Đối với kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại, thấy rằng các bị cáo dùng tay chân gây thương tích cho bị hại tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%, các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Vì vậy, xét thấy tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện, khách quan và tuyên mức bồi thường cho bị hại là đã phù hợp. Đối với nội dung yêu cầu làm rõ hành vi đồng phạm của ông Thái Văn L và bà Lê Thị H1, thấy rằng tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến khách quan vụ án. Mặt khác, tại phiên tòa bị hại ông Đỗ Hữu N1 cũng khẳng định bà H1 không chỉ đạo T2 và T đánh ông N1 mà chỉ yêu cầu 02 bị cáo vứt dây ống xịt thuốc. Đồng thời, tại giai đoạn phúc thẩm bị hại không đưa ra được chứng cứ mới cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo bồi thường cho bị hại hết số tiền theo như bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên (*có biên lai kèm theo*) nên cần sửa bản án sơ thẩm khấu trừ số tiền bồi thường thiệt hại cho phù hợp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng gửi luận cứ bào chữa như sau: Cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn T 06 tháng tù và Nguyễn Văn T2 07 tháng tù giam là quá nhẹ và bồi thường chỉ có 10 tháng

lượng cơ sở cho khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là quá ít chưa đủ tính răn đe đối với các bị cáo. Đồng thời, đề nghị xem xét hành vi của ông L và bà H1 là chủ mưu thuê T2 và T gây hấn đe dọa vợ chồng ông N1. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Điều 357 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm, xử tăng nặng đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 và yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông N1 bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút; Thu nhập thực tế bị mất giảm sút được xác định như sau, Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc, và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 50 lần mức lương cơ sở với khoản tiền là 89.434.882 đồng.

Bị hại đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không có ý kiến gì thêm.

Các bị cáo không có ý kiến chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Bản án sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 28-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Đỗ Hữu N1, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa gia đình ông Đỗ Hữu N1 và gia đình ông Thái Văn L thường xuyên xảy ra xung đột liên quan đến tranh chấp đất đai, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 là người làm thuê cho gia đình ông Thái Văn L. Khi được giao trông coi đất thì xảy ra mâu thuẫn, T và T2 đã khiêu khích, chửi bới, thách thức phía bị hại, đồng thời đã dùng tay, chân đánh, đập liên tiếp vào vùng ngực trái của ông N1. Hậu quả, ông N1 bị gãy 03 xương sườn trái, dập thùy dưới phổi trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã bồi thường tổn thất cho bị hại; các bị cáo đã thành thật khai báo và xin lỗi bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo T và áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (bảy) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới cho nội dung kháng cáo tăng hình phạt. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T có hành vi dùng tay, chân gây thương tích cho bị hại với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền

29.434.882 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 14.717.441 đồng. Chấp nhận việc mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng; tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các bị cáo cung cấp biên lai thu tiền của Cơ quan Thi hành án thể hiện các bị cáo đã nộp đủ số tiền phải bồi thường cho bị hại theo như bản án sơ thẩm đã tuyên. HĐXX xét thấy tỷ lệ thương tật các bị cáo gây ra cho bị hại là 12%, bị hại bị dập thùy dưới phổi trái và gãy 03 xương sườn bên trái, do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về nội dung bồi thường trách nhiệm dân sự, tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần là 15 tháng lương cơ sở (*tăng lên 05 tháng lương cơ sở so với bản án sơ thẩm*).

[3]. Chấp nhận một phần quan điểm của Viện kiểm sát, đồng thời chấp nhận một phần luận cứ bào chữa của Luật sư về trách nhiệm bồi thường dân sự.

[4]. Về án phí: Bị hại được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo về bồi thường trách nhiệm dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 28-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17-10-2022.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (Bảy) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17-10-2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 phải bồi thường cho ông Đỗ Hữu N1 tổng số tiền 36.884.882 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường cho ông N1 là 18.442.441 đồng được khấu trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp tại Cơ quan Thi hành án là 29.434.882 đồng (*mỗi bị cáo đã nộp 14.717.411 đồng*), theo biên lai thu tiền số 0002210 và số 0002209 ngày 16-3-2023 và biên lai thu tiền số 0002224, số 0002225 ngày 22-6-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Đỗ Hữu N1 số tiền 3.725.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I);
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- TAND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Bị cáo;
- Lưu: THCTP, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Quốc Hương

0002225 ngày 22-6-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; buộc bị cáo Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Trọng mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Đỗ Hữu Ngạn số tiền 3.725.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Hương